

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 02/LESVIC/2025

**I. Thông tin Công ty công bố sản phẩm**

Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Thương Mại LE'S VIC

Địa chỉ: Tầng 1, Biệt thự BT3-6, Khu đấu giá quyền sử dụng đất Tứ Hiệp - Ngũ Hiệp, Xã Thanh Trì, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02432247086

Mã số doanh nghiệp: 0106364159

Email: lesvicjsc@gmail.com

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Bánh xốp phủ sô cô la Choco**

2. Thành phần:

Socola hỗn hợp (72%): Đường, chất béo thực vật hydro hóa hoàn toàn (dầu cọ nhân), bột whey (sữa), bột cacao, bột sữa tách béo, chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), hương liệu (socola, sữa, vanilin).

Bánh xốp (13%): Bột mì (chứa gluten), chất béo thực vật (dầu cọ), chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), chất tạo xốp (natri bicacbonat), muối, chất làm đặc (bột cellulose).

Kem hạt phi (15%): Đường, chất béo thực vật (dầu cọ), bột whey (sữa), bột cacao, hạt phi (2%), chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), hương liệu (hạt phi).

**Thành phần cảnh báo dị ứng:** Có chứa sản phẩm từ sữa, gluten, hạt phi và đậu nành. Có thể chứa vết trứng

Bảng thành phần dinh dưỡng tính trên 18g

| STT | Thành phần dinh dưỡng | Đơn vị tính | Mức công bố | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|-------------|---------|
| 1   | Năng lượng            | kcal        | 90          |         |
| 2   | Chất béo              | g           | 5           |         |
| 3   | Carbohydrate          | g           | 12          |         |
| 4   | Chất đạm              | g           | 0           |         |
| 5   | Natri                 | mg          | 35          |         |

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Khối lượng tịnh: 396g/hộp

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nhựa PE. Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Melt Dis Ticaret A.S

Địa chỉ: Yenibosna Merkez Mah. 29 Ekim Cad. No: 41/Z - Yenibosna – Istanbul – Thổ Nhĩ Kỳ

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (nhãn sản phẩm đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

*Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2025*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



## NHÃN SẢN PHẨM



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ CỦA SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Bánh xốp phủ sô cô la Choco
2. Thành phần:

Socola hỗn hợp (72%): Đường, chất béo thực vật hydro hóa hoàn toàn (dầu cọ nhân), bột whey (sữa), bột cacao, bột sữa tách béo, chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), hương liệu (socola, sữa, vanilin).

Bánh xốp (13%): Bột mì (chứa gluten), chất béo thực vật (dầu cọ), chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), chất tạo xốp (natri bicacbonat), muối, chất làm đặc (bột cellulose).

Kem hạt phi (15%): Đường, chất béo thực vật (dầu cọ), bột whey (sữa), bột cacao, hạt phi (2%), chất nhũ hóa (E322 - đậu nành), hương liệu (hạt phi).

**Thành phần cảnh báo dị ứng:** Có chứa sản phẩm từ sữa, gluten, hạt phi và đậu nành. Có thể chứa vết trứng
3. Hạn sử dụng: **18 tháng** kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PE. Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

Khối lượng tịnh: 396g/hộp.
5. Xuất xứ: Thổ Nhĩ Kỳ  
Sản xuất tại: Melt Dis Ticaret A.S  
Địa chỉ: Yenibosna Merkez Mah. 29 Ekim Cad. No: 41/Z - Yenibosna – Istanbul – Thổ Nhĩ Kỳ
6. Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Thương Mại LE'S VIC

Địa chỉ: Tầng 1, Biệt thự BT3-6, Khu đấu giá quyền sử dụng đất Tứ Hiệp- Ngũ Hiệp, Xã Thanh Trì, TP Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: (+84) 243 2247 086
7. Số TCB: 02/LESVIC/2025
8. Bảng thành phần dinh dưỡng tính trên 18g

| STT | Thành phần dinh dưỡng | Đơn vị tính | Mức công bố | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|-------------|---------|
| 1   | Năng lượng            | kcal        | 90          |         |
| 2   | Chất béo              | g           | 5           |         |
| 3   | Carbohydrate          | g           | 12          |         |
| 4   | Chất đạm              | g           | 0           |         |
| 5   | Natri                 | mg          | 35          |         |



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LE'S VIC**

Địa chỉ: Tầng 1, Biệt thự BT3-6, Khu đấu giá quyền sử dụng đất Tứ Hiệp, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tên mẫu: **Bánh xốp phủ sô cô la Choco**

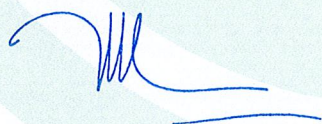
Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong túi kín, bao bì có nhãn sản phẩm rõ ràng

Ngày nhận mẫu: 18/08/2025 Thời gian thử nghiệm: 18/08 - 21/08/2025

Ngày trả kết quả: 25/08/2025

| STT | CHỈ TIÊU                     | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ         | PHƯƠNG PHÁP THỬ                  |
|-----|------------------------------|--------|-----------------|----------------------------------|
| 01  | Cadmi (Cd)                   | mg/kg  | KPH (LOD=0.006) | Ref. AOAC 2015.01 (*)            |
| 02  | Chì (Pb)                     | mg/kg  | KPH (LOD=0.006) | Ref. AOAC 2015.01 (*)            |
| 03  | Aflatoxin B1                 | µg/kg  | KPH (LOD=0.4)   | Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*) |
| 04  | Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2) | µg/kg  | KPH (LOD=0.4)   | Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*) |
| 05  | Ochratoxin A                 | µg/kg  | KPH (LOD=0.9)   | Ref. AOAC 2000.03 (HPLC-FLD) (*) |
| 06  | Deoxynivalenol               | µg/kg  | KPH (LOD=100)   | KN/QTH132 (HPLC-DAD) (*)         |
| 07  | Zearalenone                  | µg/kg  | KPH (LOD=10)    | Ref. TCVN 9591:2013 (*)          |

Phụ trách Kiểm nghiệm



Lê Nguyễn Hạ My

KT. Giám Đốc

Phó Giám Đốc



Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.